TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST Ngày 08/5/2019 V/v: **"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và ông Đinh Tuấn Đạt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Năng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, *tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 474/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Mỹ L, sinh năm 19...; địa chỉ cư trú tại số nhà ..., tổ ..., ấp Thanh Thọ, xã Phú L, huyện Tân P, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Khải H, sinh năm 19...; nơi cư trú tại số nhà ..., tổ ..., ấp Phương Lâm , xã Phú L, huyện Tân P, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 04/12/2018 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, nên sống ly thân từ thời điểm này đến nay.

Các đương sự có 02 người con là Nguyễn Trịnh Trung H, sinh ngày 14/6/... và Nguyễn Trịnh Thái H, sinh ngày 25/01/.... Bị đơn đang nuôi các con, nguyên đơn đồng ý để bị đơn tiếp tục nuôi các con.

Các đương sự không có nợ chung, tài sản chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Vợ chồng không còn tình nghĩa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2019, bị đơn trình bày:*

Ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, nợ chung, tài sản chung của vợ chồng là đúng sự thật. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Từ năm 2015 vợ chồng sống ly thân đến nay.

Bị đơn không đồng ý ly hôn vì bị đơn theo tôn giáo Thiên chúa không được ly hôn, bị đơn thống nhất ý kiến của nguyên đơn để bị đơn nuôi các con, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi các con.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28 khoản 1, Điều 35, 39, 147, 203, 205, 227 khoản 1 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Khải H; bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng các con, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung thì các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn nuôi dưỡng các con nên quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân gia đình của các đương sự được xác lập năm 2008, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa các đương sự được coi là hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự, tài liệu xác minh của Tòa án là chứng cứ chứng minh: Sau khi kết hôn, các đương sự có nhiều mâu thuẫn từ năm 2015, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Tháng 6/2018, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu ly hôn rồi rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng tiếp tục xây dựng hôn nhân và đến tháng 12/2018 nguyên đơn lại khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ nêu trên, kết luận: Các đương sự có mâu thuẫn nghiêm trọng, vi phạm về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các con của các đương sự được bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn đồng ý bị đơn tiếp tục nuôi các con.

Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ vụ án, các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 3, Điều 144, 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Mỹ L.

- Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Khải H.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Bị đơn ông Nguyễn Khải H là người trực tiếp nuôi dưỡng đối với các con là Nguyễn Trịnh Trung H, sinh ngày 14/6/... và Nguyễn Trịnh Thái H, sinh ngày 25/01/... (bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con).

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Các đương sự không khởi kiện về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008390 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính